

CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ QUA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM QUA

NGUYỄN ANH TUẤN *

Bên cạnh những tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu, đầu tư trực tiếp nước ngoài còn là một kênh quan trọng trong việc chuyển giao công nghệ. Tuy vậy, việc sử dụng kênh đó trong thực tế ở nước ta chưa phải đã hoàn toàn tốt đẹp. Nếu không sớm nhận ra những mặt hạn chế để có giải pháp khắc phục kịp thời thì nguy cơ nước ta trở thành bãi thải công nghệ là khó tránh khỏi.

KHÁC với các luồng vốn đầu tư gián tiếp, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thường đi liền với việc chuyển giao công nghệ, kiến thức quản lý và khai thác thị trường, tiếp thị (marketing)...., nhờ đó tác động mạnh tới sự thay đổi cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu ngành ở các nước nhận đầu tư. Bởi vì, FDI không chỉ là một quá trình trong đó tài sản được trao đổi, lưu thông từ quốc gia này sang quốc gia khác, mà còn liên quan đến sản xuất, tái sản xuất mang tính chất toàn cầu; không chỉ thuần túy thể hiện sự di chuyển của các luồng vốn, là sự dịch chuyển “cả gói” bao gồm vốn, kỹ năng quản lý và công nghệ mới.

Tuy vậy, các nhận định đều tương đối đồng nhất giữa nhiều cách tiếp cận khác nhau về chuyển giao công nghệ qua FDI là công nghệ không được chuyển giao một cách tự động, hay nói cách khác không phải lúc nào cũng có sự chuyển giao công nghệ qua FDI một cách tích cực. Nguyên nhân chính là các hiệp định về cấp bằng chứng nhận sáng chế và sở hữu công nghiệp không coi công nghệ là “hàng hóa sử

dụng chung”. Bởi vậy, vấn đề là ở chỗ các công ty bản địa (ở các nước đang phát triển) phải tìm mọi cách để thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ qua FDI, nhất là thông qua hợp tác với các chủ thể nắm giữ nhiều công nghệ như các tập đoàn xuyên quốc gia.

Trước năm 1987, việc chuyển giao công nghệ ở nước ta phần lớn được thực hiện thông qua nguồn viện trợ của nước ngoài và đầu tư mới của các doanh nghiệp trong nước, trong đó chủ yếu bằng nguồn viện trợ của nước ngoài (trong phe xã hội chủ nghĩa). Chuyển giao công nghệ mang hình thái cung ứng - giao nhận nên công nghệ thường không thích hợp, không đồng bộ, chấp vá, cũ nát và lạc hậu.

Sau khi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành (29-12-1987), việc chuyển giao công nghệ đã có sự chuyển biến tích cực. Chuyển giao công nghệ lúc này đã gắn với phương hướng kinh doanh và theo định hướng

* TS, Học viện Quan hệ quốc tế

thị trường. Điều này thể hiện rõ qua thực tế là hầu hết các chương trình chuyển giao công nghệ được thực hiện bởi sức ép cạnh tranh trên thị trường. Chuyển giao công nghệ đã trở thành hoạt động của chính bản thân các doanh nghiệp, thuộc quyền chủ động của doanh nghiệp, vì mục tiêu nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, tối đa hóa lợi nhuận.

Nếu nhìn vào thực trạng chung, trình độ công nghệ của nền sản xuất của cả nước còn rất lạc hậu so với khu vực và thế giới⁽¹⁾, ta thấy vai trò của FDI trong việc chuyển giao công nghệ vào nước ta rõ nét hơn. Chẳng hạn, tính đến hết năm 2005 có khoảng trên 70% dự án có nội dung chuyển giao công nghệ. Chuyển giao công nghệ chủ yếu tập trung trong lĩnh vực công nghiệp, chiếm 50,7% trong tổng số các hợp đồng chuyển giao công nghệ; chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp chiếm 5,3%; dịch vụ: 2,3%; các lĩnh vực khác: 41,75%. Đến năm 2005, 90% số hợp đồng chuyển giao công nghệ tại Việt Nam là chuyển giao qua FDI.

Hoạt động của khu vực FDI đã tạo ra nhiều ngành, nghề mới, năng lực sản xuất và công nghệ mới trong các ngành sản xuất quan trọng của nền kinh tế; tạo ra bước ngoặt trong sự phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn, như: thăm dò, khai thác dầu khí, sản xuất thép, xi-măng, lắp ráp, sản xuất ô-tô, xe máy, tàu thủy, phát triển viễn thông quốc tế và nội hạt, xây dựng hệ thống các khách sạn hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế... Nhiều công nghệ mới đã được nhập vào nước ta, như: thiết kế, chế tạo máy và sản phẩm cơ khí điều khiển chương trình, sản xuất ống thép bằng phương pháp cuốn và hàn tự động theo đường xoắn ốc, sản xuất ống gang chịu áp lực bằng gra-phit cầu, sản xuất đồ trang sức theo quy mô công nghiệp bằng đúc khuôn mẫu chảy... Nhiều dây chuyền sản xuất tự động đã được đưa vào nước ta, như: dây chuyền lắp ráp hàng điện tử, mạch điện tử, lắp ráp tổng đài điện thoại tự động kỹ thuật số, dây chuyền thêu tự động nhiều màu, nhiều đầu máy điều khiển bằng vi tính...

Nhìn chung, phần lớn các trang thiết bị đưa vào các doanh nghiệp có vốn FDI là đồng bộ, có trình độ cơ khí hóa trung bình hoặc cao hơn các thiết bị tiên tiến đã có trong nước và thuộc loại phổ cập ở các nước trong khu vực. Một số thiết bị tuy đã qua sử dụng, nhưng được tân trang và nâng cấp bằng cơ cấu điều khiển bán tự động, hoặc tự động như máy cán kim loại, máy dệt...

Hoạt động chuyển giao công nghệ trong FDI đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, nhất là trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, như: hàng dệt may, giày dép, sản xuất mía đường, mì chính, rau quả xuất khẩu, nuôi trồng thủy sản, ngọc trai... Thêm vào đó, sự cạnh tranh của các sản phẩm thuộc khu vực kinh tế có vốn FDI, của hàng ngoại đã thúc ép các doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp FDI đều đạt tiêu chuẩn Việt Nam, số đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO đang tăng nhanh. Các doanh nghiệp FDI cũng đi đầu trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa quản lý chất lượng công nghệ.

Vai trò của FDI trong chuyển giao công nghệ được thể hiện rõ nhất trong *lĩnh vực dầu khí*. Tuy ngành công nghiệp dầu khí nước ta được thành lập muộn (tháng 9-1975) so với các nước trong khu vực, nhưng đến nay ngành đã khẳng định được vị thế của mình trong nền kinh tế quốc dân và được xếp hạng thứ 33 trong cộng đồng các

(1) Năm 2005, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương phối hợp với UNDP- Việt Nam đã công bố kết quả khảo sát về đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp Việt Nam (35 doanh nghiệp trong ngành hóa chất và 65 doanh nghiệp trong ngành dệt may) cho thấy, hầu hết doanh nghiệp Việt Nam đang sử dụng dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị đồng bộ thuộc thế hệ từ những năm 80 của thế kỷ XX; 69% số doanh nghiệp phụ thuộc vào thiết bị công nghệ nhập khẩu của nước ngoài và 19% doanh nghiệp lệ thuộc vào bí quyết công nghệ. Điều này cho thấy tốc độ triển khai công nghệ mới trong các doanh nghiệp còn rất chậm. Mức độ đầu tư cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp chỉ đạt 3% doanh thu/năm - TG

nước sản xuất dầu khí trên thế giới, đứng thứ tư ở Đông - Nam Á về sản lượng khai thác dầu khí. Đạt được kết quả cao như vậy, ngoài sự đóng góp quan trọng của Vietso Petro, - doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất trong ngành dầu khí Việt Nam, còn phải kể đến sự hợp tác, đầu tư của các tập đoàn nổi tiếng như BP, Shell, Statoil... Các nhà đầu tư đã tích cực chuyển giao nhiều công nghệ hiện đại vào Việt Nam, giúp nâng cao hiệu quả khai thác cũng như chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các công nghệ hiện đại có thể được kể đến như công nghệ ép nước vào vỉa cải tiến, công nghệ bơm nén khí vào vỉa dầu (gaslift). Nhờ đó, sản lượng khai thác tăng thêm 600 tấn dầu/ngày và 29 mỏ dầu hoạt động trở lại. Ngoài ra, các nhà đầu tư cũng đã ứng dụng thành công công nghệ khoan ngang, công nghệ xiên hoặc đứng, công nghệ vỡ vỉa thủy lực, làm sạch đáy giếng bằng chất tạo bọt, hoặc axit hóa có tác dụng, giúp dầu dễ lưu thông...

• Với dự án khí liên hợp Nam Côn Sơn (tổng giá trị 1,189 tỉ USD), hai tập đoàn BP và Statoil đã đầu tư xây dựng một đường ống hai pha chạy dưới đáy biển để vận chuyển khí và chất lỏng từ ngoài khơi vào đất liền. Khi dự án hoàn thành, Việt Nam sẽ là nước có đường ống hai pha dài nhất thế giới (37km). Việc này sẽ tạo điều kiện khai thác có hiệu quả và phát triển các nguồn khí sẵn có trong nước, từ đó đem lại nhiều cơ hội lớn giúp cho việc phát triển kinh tế Việt Nam (2).

Hơn nữa, việc áp dụng những công nghệ tiên tiến từ các nước công nghiệp phát triển sẽ giúp cho nước ta được lợi rất nhiều từ hoạt động sản xuất. Chẳng hạn trong lĩnh vực nhiệt điện, nếu thời gian trung bình để sản xuất ra điện là 3 năm, thì với việc áp dụng phương thức sản xuất hỗn hợp mới nhập từ EU, thời gian này chỉ còn 2 năm. Độ ô nhiễm không khí thấp hơn một cách đáng kể so với mức bình thường theo tập quán các nhà máy nhiệt điện và khối lượng nhiên liệu đầu vào cũng thấp hơn 30% so với việc sử dụng công nghệ điện khác.

Trong ngành bưu chính - viễn thông, các nhà đầu tư nước ngoài góp phần quan trọng vào

những thay đổi có tính đột phá ở Việt Nam, bởi đã thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài lớn như France Telecom, Siemen, Ericsson... Các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Việt Nam và các đối tác EU đã thu được những kết quả cao, đưa vào Việt Nam những công nghệ viễn thông tiên tiến nhất, tạo bước nhảy vọt cho mạng lưới dịch vụ viễn thông Việt Nam từ 300 kênh quốc tế năm 1990 với kỹ thuật an-na-lóc (analog) truyền dẫn vệ tinh, đến nay đã có hơn 5.900 kênh với kỹ thuật truyền dẫn cáp quang đi qua biển và vệ tinh. Đối với dịch vụ thông tin di động, Comvik - tập đoàn viễn thông nổi tiếng thế giới của Thụy Điển - là nhà đầu tư đầu tiên hợp tác với Việt Nam trong việc đầu tư xây dựng hệ thống điện thoại di động mạng Mobi Fone. Nhờ đó, từ chỗ chưa có đầu vào những năm 90 của thế kỷ trước, đến nay, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông đã có mạng di động công nghệ GSM (hệ thống thông tin toàn cầu) cung cấp dịch vụ toàn quốc. Những đóng góp của các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành này đã góp phần đưa nước ta từ một nước lạc hậu về bưu chính - viễn thông, trở thành một nước có mạng lưới viễn thông tiên tiến trong khu vực chỉ trong vòng 10 năm.

Với các thiết bị gia công khuôn mẫu của Anh, Đức, ngành công nghiệp cơ khí của Việt Nam đã chế tạo được những sản phẩm dùng cho công đoạn chế biến thô, bắt đầu thích nghi với cơ chế thị trường, hướng vào sản xuất các thiết bị toàn bộ, các phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ mà trước đây nước ta chưa sản xuất được. Trong ngành vật liệu xây dựng, xi-măng lò quay được đầu tư mới bằng công nghệ của Đan Mạch, Pháp đã nâng công suất lên 1,2 triệu tấn/năm.

Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam cũng tiếp thu được nhiều kỹ thuật và phương pháp sản xuất chế biến, như: đường, trồng rau, sản xuất

(2) Xem: *Đầu tư từ EU vào Việt Nam - tăng khí Việt Nam vào WTO*, <<http://www.mpi.gov.vn>>, ngày 29-09-2005

thức ăn gia súc... Điển hình là nhà máy mía đường Bourbon Tây Ninh có công suất 8 ngàn tấn mía/ngày, đạt công suất cao nhất trong số các nhà máy mía đường Việt Nam có vốn FDI (như Ô-xtrây-li-a, Nhật, Mỹ, Ấn Độ...). Tới đây, nhà máy đường Tat & line liên doanh với Nghệ An còn tiếp tục mở rộng công suất lên 16 ngàn tấn mía/ngày.

Ngoài ra, hợp tác dưới các hình thức liên doanh, Việt Nam có điều kiện tiếp cận và học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến của họ trong sản xuất, kinh doanh. Điển hình, nhờ học tập kinh nghiệm từ dây chuyền sản xuất Cora (của tập đoàn Bourbon tại Việt Nam), các công ty trong nước đã đạt được tiêu chuẩn hiện đại và quốc tế về cách trình bày sản phẩm, ổn định chất lượng hàng hóa.

Có thể thấy, việc tiếp nhận FDI vào Việt Nam đáp ứng được cả hai yếu tố cơ bản và quan trọng nhất quyết định sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Đó là vốn và công nghệ; là nhân tố tạo đà và kích thích sự phát triển của những lĩnh vực khác trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nếu chuyên giao được công nghệ hiện đại, những tác động của FDI đối với nền kinh tế không chỉ dừng lại ở việc chuyển giao vốn và công nghệ, mà còn ở chỗ, nhờ có những nguồn vốn và công nghệ, nước ta có điều kiện tập trung phát triển các lĩnh vực kinh tế khác, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng các nguồn lực trong nước...

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh nêu trên, FDI vào Việt Nam, xét trên khía cạnh vốn và công nghệ, còn nhiều điều đáng lưu tâm, đặc biệt là ở hai vấn đề: công nghệ thải loại dẫn đến giá thành sản xuất cao⁽³⁾ và công nghệ gây ô nhiễm môi trường⁽⁴⁾. Trước mắt, có thể thấy nổi cộm mấy vấn đề sau:

a - Có quá ít các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong ngành công nghiệp phụ trợ, nếu có thì mới chủ yếu tham gia khâu đóng gói, bao bì, trong khi phía đầu tư nước ngoài lại rất muốn đầu tư và chuyển giao công nghệ cho các ngành công nghiệp phụ trợ để giảm giá thành do không phải nhập từ các quốc gia thứ ba (hiện có tới

99% nhà cung cấp linh phụ kiện cho các công ty nước ngoài đều là những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Điều này thể hiện tính thiếu đồng bộ trong việc phát triển ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy muốn thu hút được các công ty lớn có công nghệ hiện đại, thì công nghiệp phụ trợ phải đi tiên phong, tạo nền tảng để cung ứng các sản phẩm đầu vào cần thiết cho các ngành công nghiệp lắp ráp. Bởi lẽ, công nghiệp phụ trợ có vai trò rất quan trọng trong việc thu hút dòng vốn FDI, bản thân các tập đoàn và các công ty lớn về lắp ráp hiện cũng chỉ giữ lại trong quy trình của mình các khâu nghiên cứu, phát triển sản phẩm và lắp ráp thay vì tất cả gói gọn trong một công ty hay nhà máy. Ngay cả trong lĩnh vực điện tử, một lĩnh vực khá phát triển ở nước ta, hiện công nghiệp phụ trợ phát triển cũng không tương xứng với lắp ráp sản phẩm. Chỉ có 1/4 số doanh nghiệp hoạt động

(3) Năm 1985, khi Trung Quốc đồng ý liên doanh với Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất vô tuyến và đồng ý để cho phía Nhật Bản góp vốn bằng công nghệ với license lắp ráp vô tuyến của Nhật Bản thì những cải tiến mới nhất lại không được chuyển cho liên doanh, nên hàng của liên doanh sản xuất ra trở nên quá lạc hậu, không thể cạnh tranh và bán được trên thị trường quốc tế. Nguyên nhân là trình độ thẩm định công nghệ của Trung Quốc không đủ cao để đánh giá hết tình trạng của công nghệ và do vậy, không hạn chế được tác động tiêu cực này.

(4) Mê-hi-cô là nước chủ nhà của 1.800 nhà máy lắp ráp sản xuất của các tập đoàn xuyên quốc gia (TNC) Mỹ. Các nhà máy này đều nằm gần biên giới Mê-hi-cô - Mỹ, vì thế một số nhà máy đó được chuyển sang Mê-hi-cô để tránh những qui định chặt chẽ về môi trường của Mỹ và lợi dụng những kẽ hở chưa được hoàn thiện trong luật môi trường của Mê-hi-cô. Một nghiên cứu của Phong trào chống chất thải độc hại của Mỹ (American National Toxic Campaign) cho thấy trong số 23 nhà máy như vậy có 17 nhà máy phải chịu trách nhiệm về những chất thải có nhiều độc tố, về điều kiện làm việc cũng như tiêu chuẩn đảm bảo an toàn và sức khỏe rất thấp ở các nhà máy này. Mặc dù gần đây, Mê-hi-cô đã tiến hành những biện pháp thắt chặt Luật Bảo vệ môi trường nhằm trừng trị những kẻ gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên cơ chế thi hành Luật vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

trong ngành sản xuất phụ tùng linh kiện, do đó, tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm ngành rất thấp, mới đạt khoảng 20%.

Ngành công nghiệp ô-tô Việt Nam đi sau các nước trong khu vực hàng chục năm và đang trong giai đoạn hội nhập. Trong đó, chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lắp ráp và có quá ít các nhà cung cấp linh kiện của Việt Nam phục vụ cho quá trình lắp ráp (một khâu có giá trị thấp nhất trong chuỗi giá trị của một ngành công nghiệp). Trong nhiều năm qua, ngành công nghiệp ô-tô Việt Nam được phản ánh chủ yếu qua hoạt động của 11 liên doanh FDI thuộc Hiệp hội Các nhà sản xuất ô-tô Việt Nam (VAMA). Hầu hết các doanh nghiệp này mới chỉ lắp ráp ô-tô dạng CKD với trình độ công nghệ được chuyển giao đơn giản, gần giống nhau, tỷ lệ nội địa hóa rất thấp, giá trị gia tăng đạt được chủ yếu ở các khâu sơn, hàn, lắp ráp... Hơn 90% các bộ linh kiện, phụ tùng được cung cấp từ các công ty mẹ hoặc các liên doanh của họ từ các nước trong khu vực⁽⁵⁾.

b - Khoảng cách về tiêu chuẩn chất lượng giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài quá lớn. Hơn nữa, các doanh nghiệp trong nước chủ yếu đang có quy mô vừa và nhỏ, nên khả năng đáp ứng về yêu cầu chất lượng rất kém. Do vậy, các doanh nghiệp FDI phải cân nhắc và chỉ chuyển giao công nghệ tầm trung.

c - Việc áp dụng các dây chuyền hiện đại, có công suất lớn nhiều khi tỏ ra không thích hợp với quy mô ngành nghề, năng lực đáp ứng nguyên liệu đầu vào, thậm chí là khả năng tiêu thụ của thị trường trong nước. Đây tuy không phải là một vấn đề có tính phổ biến, nhưng nếu không được giải quyết sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư của dự án nói riêng và hiệu quả kinh tế ngành nói chung. Đồng thời, điều này còn có ảnh hưởng đến khả năng thu hút FDI do tính hấp dẫn của mỗi lĩnh vực được thể hiện thông qua mức độ thành công của các dự án đã triển khai.

d - Việt Nam vẫn chưa có chính sách thích hợp để thu hút với khả năng cao nhất tiềm năng đầu tư đổi mới công nghệ và tận dụng tối đa

công nghệ được chuyển giao từ các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là trong việc thu hút các công ty xuyên quốc gia qui mô lớn với tiềm lực mạnh về khoa học và công nghệ.

Từ những phân tích và nhận định trên và để thúc đẩy hiệu quả hơn nữa quá trình chuyển giao công nghệ qua FDI, bước đầu xin có một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, thay chính sách khuyến khích thu hút FDI vào một số ngành theo quy định như hiện nay, bằng chính sách cho phép đầu tư vào mọi lĩnh vực ngoài các lĩnh vực cấm. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mở cửa hơn nữa cho việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong nước ở một số ngành mà hiện nay vẫn do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ là chủ yếu. Đồng thời thực hiện tốt cam kết về giảm thuế quan và hàng rào phi thuế quan theo lộ trình hội nhập và tiến trình tự do hóa thương mại, qua đó tạo áp lực về cạnh tranh cho tất cả các doanh nghiệp và giảm thiểu mức độ bảo hộ đối với một số ngành đang được ưu đãi. Mục đích của các biện pháp trên là nhằm giảm mức độ tập trung của FDI vào một số ngành sản xuất thay thế nhập khẩu, thu hút nguồn vốn này vào tất cả các ngành, qua đó tạo cơ hội để có được tác động chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh chính sách phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời có biện pháp hỗ trợ tạo mối liên kết sản xuất giữa chúng với các doanh nghiệp FDI trong cùng nhóm ngành. Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng năng lực để có thể tự học hỏi, tiếp thu công nghệ mới và chuyển giao công

(5) Theo tính toán của các chuyên gia, mỗi chiếc xe ô-tô có khoảng 30.000 linh kiện khác nhau nên không một doanh nghiệp nào, dù giỏi đến đâu, lớn đến đâu có thể tự đáp ứng được. Và để có thể hoạt động tốt thì mỗi doanh nghiệp lắp ráp, hoàn thiện ô-tô phải cần tối thiểu 20 nhà cung cấp linh kiện. Nhưng ở nước ta mới chỉ đạt mức 2-3 nhà cung cấp cho một doanh nghiệp ô-tô -TG

nghệ từ đối tác liên kết sản xuất. Các biện pháp thường được thực hiện trên thế giới là cung cấp thông tin miễn phí hoặc phí rất thấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổ chức các cuộc gặp gỡ để các doanh nghiệp có thể trao đổi trực tiếp với nhau, tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ làm việc trong các doanh nghiệp này.

Thứ ba, tăng năng lực về nghiên cứu và triển khai (R&D) của doanh nghiệp trong nước để tăng khả năng hấp thụ công nghệ mới và thúc đẩy chuyển giao công nghệ thông qua nhiều biện pháp. Ví dụ, Nhà nước hỗ trợ đào tạo cán bộ R&D của doanh nghiệp bằng cách tài trợ các chương trình trao đổi chuyên gia giữa các viện nghiên cứu, trường đại học v.v. và doanh nghiệp (6); thực hiện các chương trình nghiên cứu (ngành, sản phẩm mới) có sự tham gia và đồng tài trợ của các bên cùng hưởng lợi. Nâng nhanh tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của cả nền kinh tế nói chung, của lao động tại các doanh nghiệp trong nước nói riêng, để tăng khả năng đón nhận, làm chủ tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới.

Thứ tư, nhanh chóng cải cách các tổ chức R&D của Nhà nước nhằm tăng năng lực của các tổ chức này, kể cả nhân lực sao cho đủ khả năng tiếp thu kiến thức và tiến bộ công nghệ mới. Một mặt luôn cập nhật, phân tích và xử lý thông tin về các công ty lớn, nhất là công ty có khả năng về R&D hàng đầu trên thế giới, cũng như nghiên cứu chiến lược kế hoạch về chuyển giao công nghệ, về phạm vi hoạt động và về đổi mới công nghệ của các công ty này. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp quan tâm là rất cần thiết, nhưng cũng phải giao cho một cơ quan nhất định để theo dõi và phân tích có hệ thống. Học tập kinh nghiệm của các nước về việc thu hút những công ty nước ngoài có tiềm năng về công nghệ (7).

Thứ năm, để thu hút các công ty lớn có tiềm lực về công nghệ và khuyến khích chuyển giao công nghệ, ngoài môi trường đầu tư chung đủ thông thoáng và ổn định để tạo lòng tin cho các nhà đầu tư, cũng nên có chính sách ưu đãi đầu tư và có cam kết thực hiện nghiêm túc quyền sở

hữu trí tuệ và bảo hộ bản quyền theo luật pháp quốc tế và các hiệp định song và đa phương. Cách tiếp cận ở đây là không áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư tràn lan, mà chỉ nên tập trung vào một vài lĩnh vực thỏa mãn các điều kiện được hưởng các ưu đãi này. Nhà nước cần bảo đảm việc thực hiện các chính sách ưu đãi, nhằm giảm thiểu chi phí giao dịch liên quan. Có nhiều biện pháp có thể áp dụng như ưu đãi về thuế, về kết cấu hạ tầng (đất đai và các dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng), chính sách ưu đãi liên quan đến người lao động (thuế thu nhập cá nhân).

Thứ sáu, rà soát và đánh giá việc thực hiện các chính sách liên quan đến chuyển giao công nghệ trong giai đoạn vừa qua để rút ra các bài học về thành công và thất bại. Hiện nay, nước ta đã có nhiều chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, kết quả thu được còn rất thấp. Do vậy, cần tiến hành điều tra khảo sát để có những đánh giá sâu và cụ thể về nguyên nhân dẫn đến hiệu quả thấp trong việc thực hiện các chính sách này. □

(6) Có lẽ trong thời gian tới, Nhà nước cần tiếp tục ban hành các chính sách miễn giảm thuế thu nhập đối với các viện nghiên cứu bán kết quả nghiên cứu công nghệ, hoạt động chuyển giao công nghệ và đào tạo liên quan đến công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp lập quỹ nghiên cứu đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, cho phép tính chi phí nghiên cứu khoa học vào giá thành sản phẩm. Đặc biệt cần sớm cho ra đời Quỹ đầu tư mạo hiểm của Chính phủ để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ - TG

(7) Theo kinh nghiệm thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa tại Nhật Bản, cùng với việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ thông qua FDI, hoạt động R&D được phát triển mạnh thông qua việc hình thành các trung tâm "nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ được chuyển giao" từ những ngày đầu của công nghiệp hóa chính là nhân tố giúp Nhật Bản đạt được nhiều thành tựu công nghệ trong một thời gian không dài (khoảng 8 năm). Nhật Bản đã khôn khéo bắt tay với các TNCs của Mỹ và tận dụng triệt để việc chuyển giao công nghệ của các TNCs trong suốt giai đoạn 1970-1983. Đây là một chiến lược mang lại hiệu quả cao mà các nước đang phát triển có thể hoàn toàn áp dụng được. Điều đó cũng cho thấy nếu chỉ biết tiếp nhận một cách thụ động sẽ gây ra một sự lãng phí lớn về vốn và chất xám của đất nước - TG